
Lãi suất LNH
Trái phiếu

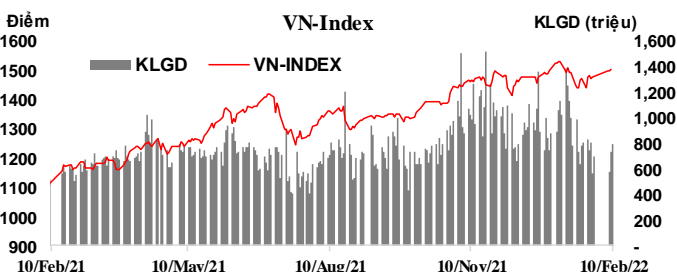
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.74	-0.13	0.15	0.00	3Y	0.74	0.014
1W	2.71	-0.13	0.20	0.00	5Y	0.93	-0.006
2W	2.70	-0.07	0.25	0.01	7Y	1.35	-0.009
1M	2.60	0.01	0.33	0.02	10Y	2.13	-0.006
2M	2.61	0.01	0.41	0.03	15Y	2.46	0.001
3M	2.61	0.04	0.52	0.01			
6M	2.70	0.03	0.77	0.00			
9M	2.78	0.00	1.08	0.00			
1Y	3.12	0.04	1.15	0.01			

Nguồn: Reuters

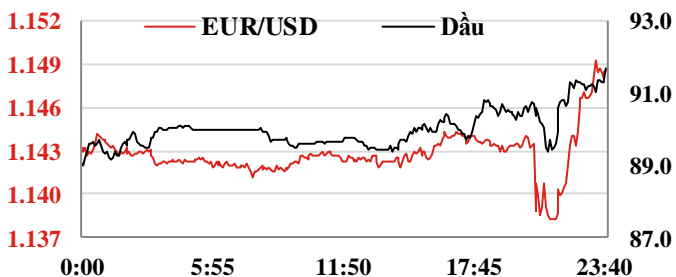
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
10-02-22	1	14	2.50	10,000	154.53	999.35	- 844.82	26,712.31
09-02-22	1	14	2.50	10,000	7,937.99	3,914.97	4,023.02	27,557.13
08-02-22	1	14	2.50	5,000	4,478.49	970.45	3,508.04	23,534.11

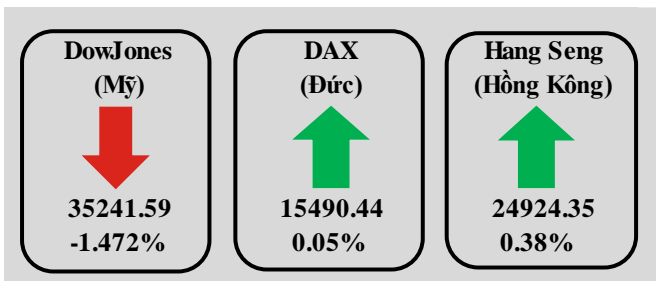
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1506.79	428.24	112.64
%ngày	0.09%	0.95%	0.57%
%31/12/2021	0.57%	-9.7%	0.0%
KLGD (tr.d.vi)	680.25	55.31	64.3
GTGD (tỷ đ)	21946.16	1695.75	1408.53
NĐINN mua (tỷ đ)	2379.03	10.29	1.00
NĐINN bán (tỷ đ)	3115.98	9.06	0.39


Tin trong nước ngày 10/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 10/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.108 VND/USD, tăng 04 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.672 VND/USD, giảm tiếp 23 đồng so với phiên 09/02. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 50 đồng ở chiều mua vào và 80 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.500 VND/USD và 23.550 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 10/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm khá mạnh 0,07 – 0,13 đpt ở các kỳ ngắn trong khi tăng nhẹ 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,74; 1W 2,71%; 2W 2,70 và 1M 2,60%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn 3Y và 15Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,74%; 5Y 0,93%; 7Y 1,35%; 10Y 2,13%; 15Y 2,46%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 154,53 tỷ đồng trúng thầu. Trong ngày có 999,35 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, hôm qua, NHNN hút ròng 844,82 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 26.712,31 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường tương đối tích cực khi cả 3 chỉ số đều kết phiên trong sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng nhẹ 1,41 điểm lên 1.506,79 điểm (+0,09%); HNX-Index tăng 4,05 điểm (+0,95%) lên 428,24 điểm; UPCoM-Index tăng 0,64 điểm (+0,57%) lên 112,64 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 25.050 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng hơn 735 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 01/2022, tổng trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu của cả nước ước đạt 60,29 tỷ USD, giảm 8,9% so với tháng 12/2021 nhưng tăng 9,6% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa ước đạt 30,84 tỷ USD, giảm 10,8% so với tháng trước đó và tăng 8,1% so với cùng kỳ 2021; nhập khẩu hàng hóa đạt 29,45 tỷ USD, giảm 6,9% và tăng 11,3%. Thặng dư cán cân thương mại tháng 01/2022 ở mức 1,40 tỷ USD.**



	10 Feb 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	95.55	0.06%	0.18%	-0.43%
USD/CNY	6.35	-0.15%	-0.12%	0.01%
USD/EUR	0.88	-0.04%	0.10%	-0.52%
USD/JPY	116.00	0.44%	0.91%	0.80%
USD/KRW	1199.83	0.48%	0.03%	1.00%
USD/SGD	1.34	0.22%	0.05%	-0.34%
USD/TWD	27.85	0.24%	0.27%	0.49%
USD/THB	32.72	0.06%	-1.18%	-1.53%
USD/VND Trung tâm	23108	0.02%	0.04%	-0.16%
USD/VND LNH	22672	-0.10%	0.00%	-0.53%
USD/VND tự do	23500	-0.21%	0.21%	0.21%
Vàng	1826.57	-0.32%	1.23%	-0.10%
Dầu	89.88	0.25%	-0.43%	19.51%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0776	-0.0001				
1M	0.1237	0.0010	0.3000	0.0000	0.0483	-0.0003
3M	0.3949	0.0174	0.4375	0.0000	0.0493	-0.0001
6M	0.6644	0.0299	0.5925	0.0000	0.0493	-0.0001
1Y	1.1246	0.0309				

Số liệu SIBOR ngày 09/02/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	10/03/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/03/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

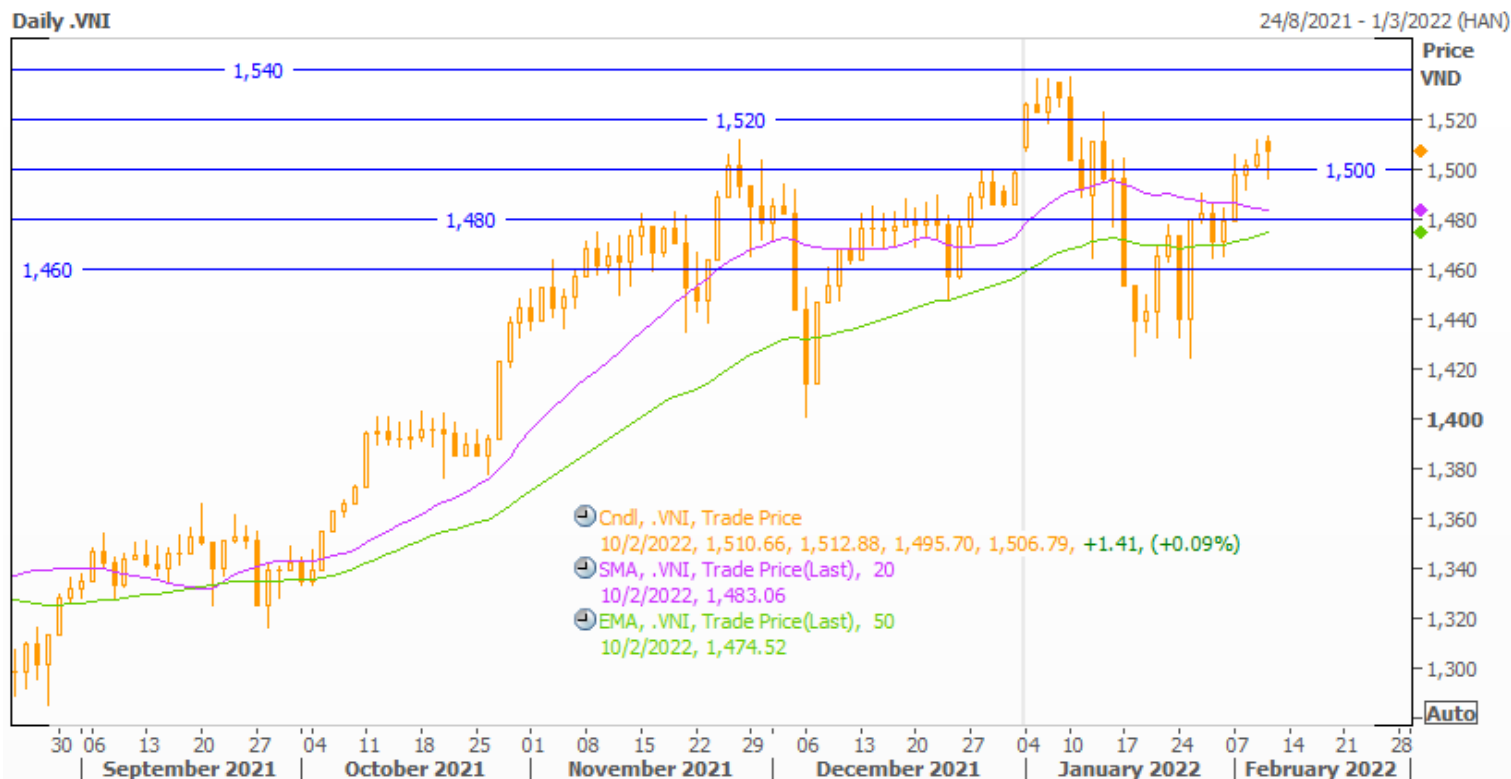
▪ **Áp lực lạm phát tại Mỹ tiếp tục tăng mạnh trong tháng đầu năm 2022.** Bộ Thống kê Lao động Mỹ cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này cùng tăng 0,6% m/m trong tháng 01/2022, sau khi lần lượt tăng 0,4% và 0,6% ở tháng trước đó, đồng thời lớn hơn dự báo lần lượt tăng 0,4% và 0,5%. So với cùng kỳ năm 2021, CPI toàn phần và CPI lõi Mỹ đã tăng tới 7,5% và 6,0% y/y trong tháng vừa qua, đánh dấu mức tăng y/y lớn nhất sau 40 năm, kể từ năm 1982. Đóng góp lớn nhất vào đà tăng này là chỉ số giá năng lượng, với mức tăng lên tới 39,0% y/y. Thị trường tài chính Mỹ lập tức cho thấy phản ứng với mức lạm phát kể trên, chỉ số công nghiệp Dow Jones có thời điểm giảm hơn 500 điểm, tương đương 1,5% d/d. Cũng liên quan tới kinh tế Mỹ, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại nước này tuần kết thúc ngày 05/02 ở mức 223 nghìn đơn, giảm từ mức 239 nghìn đơn của tuần trước đó và thấp hơn một chút so với mức 227 nghìn đơn theo dự báo.

▪ **Chỉ số giá sản xuất tại Nhật Bản tiếp tục neo ở mức cao.** NHTW Nhật Bản BOJ thống kê cho biết chỉ số giá sản xuất tại nước này tăng 8,6% y/y trong tháng 01/2022, thấp hơn một chút so với mức 8,7% của tháng trước đó, song vẫn cao hơn khá nhiều so với mức 8,2% theo dự báo của các chuyên gia. Giá các loại mặt hàng đầu vào phục vụ sản xuất đều được đẩy lên cao khiến nhiều doanh nghiệp gặp phải khủng hoảng, trong đó đặc biệt là nhiên liệu. Một số ý kiến cho rằng sẽ có một làn sóng trong việc nâng giá thành đầu ra tại các doanh nghiệp, điều khiến cho lạm phát tại nước Nhật có thể tăng vọt. Mặc dù vậy, CPI y/y của nước này hiện chỉ ở mức 0,8%, cách khá xa so với mức tăng 2,0% mà NHTW Nhật Bản theo đuổi.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
10 - 02	6:50	*	Chỉ số giá sản xuất Nhật T1 y/y	8.6	8.2	8.7
10 - 02	8:30	***	CPI toàn phần Mỹ mm T1	0.6	0.4	0.5
10 - 02	8:30	***	CPI lõi Mỹ mm T1	0.6	0.5	0.6
10 - 02	8:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we	223K	227K	239K
11 - 02	14:00	*	CPI chính thức Đức mm T1		0.4	0.4
11 - 02	14:00	**	GDP sơ bộ Anh qq Q4		1.1	1.1
11 - 02	14:00	*	Sản lượng xây dựng Anh mm T12		-0.6	3.5
11 - 02	14:00	*	Sản lượng công nghiệp Anh mm T12		0.2	1.1
11 - 02	22:00	**	Niềm tin tiêu dùng sơ bộ UoM Mỹ T2		67.2	67.2

VN-INDEX



VN-Index tăng nhẹ lên mức 1506,79 điểm. Các nhà đầu tư đang kỳ vọng vào xu hướng tăng của thị trường; trong phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.480 – 1.460

Ngưỡng kháng cự: 1.520 – 1.540

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn